

Anh, chị ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Nay tình cảm không còn, hai bên không còn tôn trọng nhau nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 20/7/2020 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/9/2023. Khi ly hôn chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hiện tại chị là người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà anh Nguyễn Quang L là bị đơn trình bày:*

Anh thống nhất về thời gian chung sống và kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng cũng có mâu thuẫn tuy nhiên là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Anh ra ngoài đi làm (anh có nghề làm mắt), chị H ở nhà, khi ra ngoài thì cũng có bạn bè, xin số điện thoại nhau, tuy nhiên không có việc có người thứ ba như chị H trình bày. Quá trình giải quyết vụ án anh thừa nhận mình cũng có lỗi, nếu chị H không thích như vậy thì anh sẽ không xin số điện thoại, không nhắn tin cho ai. Tại phiên toà, anh trình bày anh không có làm gì sai, không có lỗi gì với chị H.

Anh muốn các con có đủ cha mẹ, không đồng ý ly hôn vì sợ các con sẽ khổ. Trường hợp toà án cho ly hôn thì anh không đồng ý nuôi con chung cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập anh thấp. Về tài sản chung, nợ chung: anh không có ý kiến.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Quang L có nơi cư trú tại phường G, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đôi thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H xin ly hôn với anh L, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay là phường G, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 vào ngày 28/5/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị H cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh L có quan hệ tình cảm với người khác, không chăm lo cho gia đình, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh L không thay đổi. Anh, chị ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Chị không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không có lỗi, việc nhắn tin chỉ là bạn bè, anh không đồng ý ly hôn vì muốn cùng nhau lo cho các con.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì tình cảm phải xuất phát từ hai phía trong khi chị H đã không còn tình cảm với anh L, anh L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp thuyết phục nào để hàn gắn. Mặt khác, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2025 đến nay, thời gian đủ dài để anh chị nhìn nhận vấn đề và hàn gắn tình cảm nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh L.

[3.2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 20/7/2020 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/9/2023. Khi ly hôn chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu T và cháu T1 đang sống cùng với chị H, 02 cháu còn nhỏ (05 tuổi và 02 tuổi) cần sự chăm sóc của người mẹ; qua xác minh chị H và anh L đều có khả năng lao động, có nghề nghiệp, thu nhập đủ điều kiện nuôi con; quá trình giải quyết vụ án anh L cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho 02 cháu nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T và Nguyễn Minh T1 cho chị Dương Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Qua xác minh thì hiện tại anh L cũng có nghề nghiệp, cũng có thu nhập ổn định; do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình xác định mức cấp dưỡng là bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú. Anh L cư trú tại phường G, theo quy định mức lương tối thiểu vùng ở phường G (vùng C) là 3.860.000 đồng/tháng ($\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu là = 1.930.000 đồng). Như vậy anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con chung Nguyễn Ngọc Cẩm T và Nguyễn Minh T1 là

3.860.000 đồng/tháng/02 người con (1.930.000 đồng/ tháng/ 01 người con) đến khi các con đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng lần đầu được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Quang L.

2. Về con chung: Chị Dương Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 20/7/2020 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 11/9/2023; anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.860.000 đồng/02 người con (1.930.000 đồng/01 người con) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006946 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Nguyễn Quang L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh DT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND phường G;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu T2